

## TÌM HIỂU VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2006-2010

NGUYỄN VĨNH KHƯƠNG\*

### TÓM TẮT

*Bài báo đề cập đến những thành tựu đã đạt được của tập thể cán bộ, giảng viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ giai đoạn 2006-2010, đồng thời đề xuất những định hướng chung cho hoạt động khoa học và công nghệ của Trường trong giai đoạn tới.*

**Từ khóa:** nghiên cứu khoa học, khoa học và công nghệ, Trường Đại học Sư phạm TPHCM.

### ABSTRACT

*Scientific research activities at Ho Chi Minh City University of Education  
in the period of 2006-2010*

*The article is about the achievements of the staff, lecturers in scientific and technological research activities in Ho Chi Minh City University of Education from 2006 to 2010. It also refers to the school's general orientation for science and technology activities in the future for the comprehensive development.*

**Keywords:** scientific research, science and technology, Ho Chi Minh City University of Education.

### 1. Mở đầu

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM) được xác định là một trong hai trường đại học sư phạm trọng điểm của Việt Nam, các sản phẩm đào tạo nguồn nhân lực (đội ngũ giáo viên) và sản phẩm nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực khoa học Cơ bản và khoa học Giáo dục – Sư phạm, đảm bảo trình độ và chất lượng cao cho ngành giáo dục – đào tạo của đất nước, đặc biệt đối với khu vực các tỉnh phía Nam. Qua hơn 35 năm xây dựng và trưởng

thành, Trường đã đạt được những thành tựu to lớn trong việc đào tạo giáo viên và phát triển nghiên cứu khoa học, đặc biệt là khoa học giáo dục. Nhiều nhà khoa học của Trường được tặng nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Trung ương Đoàn Thanh niên... Các kết quả đạt được đã góp phần xây dựng nguồn nhân lực khoa học chất lượng cao, phát triển đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần đảm bảo sự hội nhập trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong khu vực và quốc tế.

\* Học viên Cao học, CV Phòng KHCN & TCKH Trường ĐHSP TPHCM

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Kết quả hoạt động NCKH của cán bộ, giảng viên Trường ĐHSPTPHCM

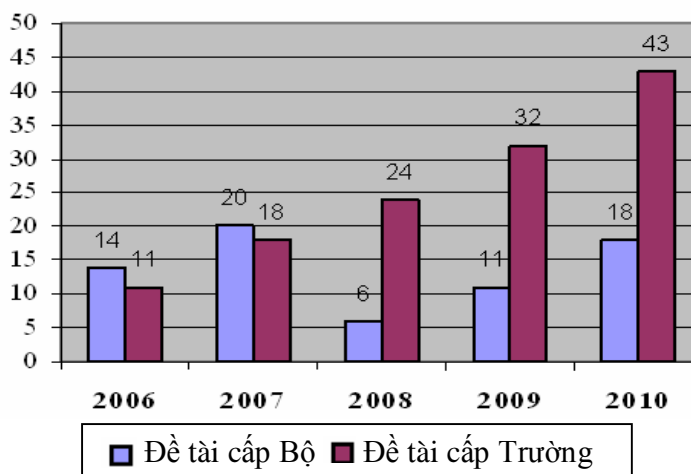
Trong giai đoạn 2006-2010, Trường ĐHSPTPHCM triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ (KH&CN) theo định hướng của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường – Bộ Giáo dục và Đào tạo: nghiên cứu khoa học (NCKH) cơ bản trên các lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên. Các nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng đào tạo (bao gồm đổi mới nội dung của chương trình, đổi mới phương pháp dạy đại học, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào quá trình dạy học, kiểm định, đánh giá chất lượng đào tạo), các nghiên cứu về tâm lý học, giáo dục học, phương pháp giảng dạy các bộ môn, các nghiên cứu về thực tiễn giáo dục của khu vực và cả nước, nhằm đề xuất các giải pháp khoa học đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai của giáo dục tương xứng với nhiệm vụ của Trường ĐHSPTPHCM trọng điểm, các nghiên cứu về phát triển và chuyển giao công nghệ... đều được thực hiện.

Số liệu thống kê cho thấy Trường đã thực hiện 197 đề tài nghiên cứu (69 đề tài cấp Bộ, 128 đề tài cấp Cơ sở), trong đó có 122 đề tài nghiên cứu cơ bản, 67 đề tài nghiên cứu ứng dụng, 8 đề tài nghiên cứu triển khai. Trường tập trung đầu tư kinh phí cho 52 đề tài khoa học xã hội,

49 đề tài khoa học tự nhiên, 96 đề tài khoa học giáo dục với tổng kinh phí 9,098 tỉ đồng. Tổ chức đánh giá nghiệm thu 45 đề tài cấp Bộ (39 đề tài đạt loại tốt, 6 đề tài đạt loại khá) và 66 đề tài Cơ sở (56 đề tài loại tốt, 10 đề tài loại khá).

Xét trên bình diện công tác quản lý thực hiện đề tài nghiên cứu, Trường tăng cường quản lý tiến độ thực hiện đề tài, xây dựng kế hoạch NCKH 5 năm và hàng năm của Trường để triển khai về các đơn vị. Quy trình tuyển chọn, nghiệm thu đề tài NCKH cũng như việc triển khai thực hiện đề tài, cấp kinh phí đến chủ nhiệm đề tài đều được tiến hành đúng thủ tục, quy định của Bộ. Chất lượng chuyên môn trong việc ra Quyết định thành lập các Hội đồng nghiệm thu đề tài được chú trọng. Công tác quản lý khoa học công nghệ (KH&CN) của Trường đã từng bước đi vào nề nếp; số liệu báo cáo kịp thời, minh bạch. Trường đã ban hành Quy định tạm thời về quản lý KH&CN vào tháng 2-2008 (Quyết định số 113/QĐ-ĐHSPTPHCM - KH&CN&SDH ngày 19-02-2008 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPTPHCM). Việc kiểm tra định kỳ kết quả thực hiện đề tài và thanh toán kinh phí theo giai đoạn đã hạn chế tình trạng đọng nợ kinh phí. Trường đang xây dựng quy chế hoạt động mới về NCKH của cán bộ, giảng viên trong trường theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ.

**Biểu đồ 1. Tổng hợp đề tài NCKH các cấp giai đoạn 2006-2010**



[Nguồn: Tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2006-2010 và định hướng phát triển 5 năm 2011-2015 của Trường ĐHSPTPHCM năm 2010]

**2.2. Một số giải pháp đã thực hiện để nâng cao chất lượng NCKH của cán bộ, giảng viên Trường ĐHSPTPHCM**

Sự quan tâm chỉ đạo của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường – Bộ Giáo dục và Đào tạo đã góp phần quan trọng dẫn đến kết quả của hoạt động NCKH của Trường trong những năm qua. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đầu tư kinh phí từ nguồn vốn KH&CN để Trường nâng cấp cơ sở vật chất, xây dựng các phòng thí nghiệm, phát triển thông tin thư viện tạo điều kiện thuận lợi cho công tác NCKH của cán bộ, giảng viên trong toàn trường. Mặt khác, sự chỉ đạo, hợp tác của lãnh đạo nhà trường, các phòng ban chức năng, các khoa và tổ bộ môn cùng với tâm huyết của các nhà khoa học đã góp phần quan trọng thúc đẩy phong trào NCKH thật sự khởi sắc, đạt được các thành quả đáng kể trong thời gian qua. Bên cạnh đó, Trường đã thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng NCKH như sau:

**2.2.1. Giải pháp xây dựng và phát triển tiềm lực KHCN**

Nhà trường chú trọng xây dựng đội ngũ cả về số lượng và chất lượng bằng các chủ trương, chính sách. Trường đã tuyển dụng mới 241 người, trong đó có 05 tiến sĩ, 47 thạc sĩ, còn lại là những sinh viên vừa tốt nghiệp (175 đại học, 10 cao đẳng của trường và các trường bạn) để tăng cường cho các đơn vị; sắp xếp, tổ chức bộ máy hợp lí, đồng bộ, không chồng chéo, nhằm thực hiện có hiệu quả cao các hoạt động chủ yếu. Về cơ bản, phần đầu có một đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng. Nhìn chung, công tác xây dựng đội ngũ của trường có bước phát triển tốt. Khoảng cách giữa các thể hệ cán bộ, nhất là cán bộ chuyên môn đã được thu hẹp, chất lượng đội ngũ ngày càng được nâng lên cả về phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn.

**Bảng 1. Tình hình đội ngũ cán bộ công chức giai đoạn 2006-2010**

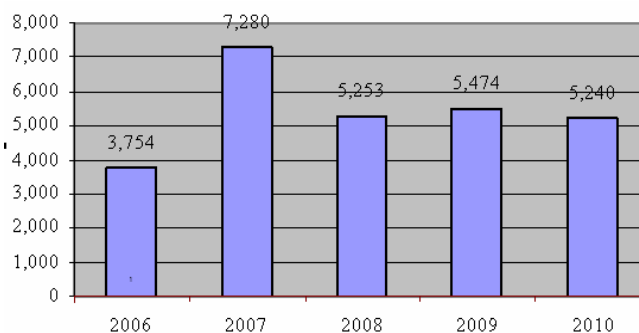
Năm	Đội ngũ cán bộ										Tổng số cán bộ công chức
	Số CBGD & NCKH	Học vị			Học hàm		Cán bộ trẻ đang được đào tạo				
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Giáo sư	Phó giáo sư	Nước ngoài		Trong nước		
							Nghiên cứu sinh	Cao học	Nghiên cứu sinh	Cao học	
2006	714	92	294	295	2	31	6	12	10	38	810
2007	734	98	300	303	2	31	8	15	12	32	842
2008	753	104	305	315	1	28	12	11	9	27	862
2009	771	108	297	340	1	25	15	15	12	25	870
2010	760	101	308	329	1	21	17	6	8	20	882

[Nguồn: Phòng Tổ chức – Hành chính Trường ĐHSPTPHCM]

**2.2.2. Giải pháp đầu tư kinh phí cho hoạt động NCKH**

Nguồn vốn Bộ chi cho hoạt động KHCN hàng năm của Trường ĐHSPTPHCM trong 5 năm là 27,001 tỉ đồng (tính cả quỹ lương chi cho bộ máy). Trường triển khai phân bổ kinh phí theo đúng các quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Tài chính.

**Biểu đồ 2. Tổng hợp kinh phí NCKH giai đoạn 2006-2010**



**2.2.3. Giải pháp mở rộng hợp tác quốc tế trong KHCN**

Trong những năm qua, Trường ĐHSPTPHCM đã đặt quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học, tổ chức trên thế giới. Trường đã kí kết hợp tác với trên 50 trường đại học và viện nghiên cứu thuộc các nước: Pháp, Úc, Trung Quốc, Canada, Hoa Kỳ, New Zealand, Nga,

Thụy Điển, Bỉ, Na Uy, Hà Lan, Luxembourg, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Lào, Campuchia,... Trường cũng đã hợp tác với một số tổ chức quốc tế như: VVOB (Bỉ), AVI (Úc), Fulbright (Hoa Kỳ), VIA (Hoa Kỳ), AUF (Pháp),... Là thành viên hai tổ chức quốc tế AUF (Khối đại học Pháp ngữ), RIFEFF (Tổ chức Các Đại

học Sư phạm Thế giới, Cộng đồng Pháp ngữ). Quá trình hợp tác này đã giúp đào tạo cho trường 20 tiến sĩ, 50 thạc sĩ và hàng trăm lượt cán bộ, sinh viên đi đào tạo, thực tập ở nước ngoài.

**2.2.4. Giải pháp tổ chức hoạt động NCKH của sinh viên**

Nghiên cứu khoa học của sinh viên 5 năm qua có nhiều khởi sắc. Số sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu là 2,523, tăng 3,5 lần so với giai đoạn 2001-2005. Số sinh viên đạt giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ là 57, trong đó có 5 giải nhất, 6 giải nhì, 14 giải ba và 32 giải khuyến khích. Đề tài nghiên cứu của sinh viên là nội dung khám phá trong quá trình học tập và thực hiện một phần nội dung nghiên cứu của giảng viên trong hoạt động

nghiên cứu khoa học cấp Trường, cấp Bộ. Hàng năm, Trường và các khoa tổ chức Hội nghị sinh viên NCKH, tạo môi trường thuận lợi để sinh viên báo cáo, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm trong tổ chức nghiên cứu. Hội nghị đã in kỷ yếu, công bố kết quả nghiên cứu của sinh viên. Hàng năm, trung bình có hơn 150 giảng viên tham gia hướng dẫn sinh viên NCKH cấp Khoa, cấp Trường. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tổ chức xét chọn đề tài xuất sắc khen thưởng cấp Trường, gửi tham dự giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” cấp Bộ và Giải thưởng “EUREKA”. Nhiều sinh viên đạt kết quả trong học tập và NCKH đã được chuyển tiếp học cao học, được giữ lại trường và đưa đi đào tạo ở nước ngoài.

**Bảng 2. Tổng hợp kết quả các công trình dự thi Sinh viên NCKH cấp Trường, cấp Bộ từ năm 2006-2010**

Năm	Cấp	Số công trình tham gia	Tổng số giải	Giải nhất	Giải nhì	Giải ba	Giải KK
2006	Bộ	9	9	1	1	3	4
	Trường	52	25	3	6	3	13
2007	Bộ	10	9	3	0	6	0
	Trường	43	25	3	5	3	14
2008	Bộ	10	10	1	2	3	4
	Trường	36	31	4	3	7	17
2009	Bộ	9	10	1	1	3	4
	Trường	47	32	4	4	8	16
2010	Bộ	10	10	1	1	0	8
	Trường	52	37	3	6	8	20

[Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2006-2010 và định hướng phát triển 5 năm 2011-2015 của Trường ĐHSPTPHCM, 2010].

**2.2.5. Công bố thông tin KH&CN**

- Tạp chí Khoa học: Mỗi năm Tạp chí được phép xuất bản 12 kì, từ năm 2006-2010 đã công bố 332 bài báo.

**Bảng 3. Tổng hợp số lượng các công trình công bố giai đoạn 2006 – 2010**

Năm	Số lượng công trình công bố trong nước		Số lượng công trình công bố quốc tế	
	Hội thảo, Hội nghị khoa học	Tạp chí Khoa học	Hội thảo, Hội nghị khoa học	Tạp chí Khoa học
2006	61	23	7	8
2007	72	16	11	6
2008	74	21	21	20
2009	47	45	22	11
2010	58	31	10	5
<b>Tổng cộng</b>	<b>312</b>	<b>136</b>	<b>71</b>	<b>50</b>

- Viện Nghiên cứu Giáo dục, Trung tâm Dân số Môi trường... đã phát hành thường xuyên tài liệu tham khảo nghiên cứu giáo dục, thông tin giáo dục môi trường theo quý, tháng.

**2.2.6. Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học**

Giai đoạn 2006-2010, trường tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo với quy mô quốc tế, quốc gia, quy tụ nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước. Các hội nghị, hội thảo đã bám sát các yêu cầu, thách thức mới đặt ra đối với ngành giáo dục Việt Nam.

**Bảng 4. Danh mục một số hội nghị, hội thảo khoa học nổi bật giai đoạn 2006-2010**

Stt	Tên Hội thảo	Đơn vị tổ chức	Thời gian	Cấp
1.	Xây dựng chương trình học trong đào tạo theo tín chỉ có sử dụng Internet	Viện Nghiên cứu Giáo dục	2-2006	Quốc gia
2.	Đào tạo nghiệp vụ sư phạm tại các trường ĐHSPTP	Viện Nghiên cứu Giáo dục	4-2006	Quốc gia
3.	Kiểm tra đánh giá để phát huy tính tích cực của học sinh bậc trung học	Viện Nghiên cứu Giáo dục	6-2006	Quốc gia
4.	60 năm ngành Sư phạm: Lịch sử và định hướng phát triển	Phòng Khoa học Công nghệ	10-2006	Quốc gia
5.	Trường thực hành với vấn đề đào tạo nghiệp vụ của các trường Đại học Sư phạm	Viện Nghiên cứu Giáo dục	4-2007	Quốc gia
6.	Phát triển Giáo dục so sánh	Viện Nghiên cứu Giáo dục	5-2007	Quốc tế

7.	Những khó khăn trong học tập ngôn ngữ và toán của học sinh tiểu học	Phòng Khoa học Công nghệ	6-2007	Quốc tế
8.	ASEAN - 40 năm: Thành tựu và triển vọng	Phòng Khoa học Công nghệ	8-2007	Khu vực
9.	Hiệu quả của hoạt động ngoại khóa đối với việc nâng cao chất lượng giảng dạy - học tập trong nhà trường phổ thông	Viện Nghiên cứu Giáo dục	10-2007	Khu vực
10.	Tập trung trí tuệ, nắm bắt tương lai	Viện Nghiên cứu Giáo dục	10-2007	Khu vực
11.	Chương trình, sách giáo khoa và vấn đề kiểm tra đánh giá ở lớp 10 phân ban sau một năm thực hiện	Viện Nghiên cứu Giáo dục	11-2007	Khu vực
12.	Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa	Viện Nghiên cứu Giáo dục	5-2008	Quốc gia
13.	Đổi mới giáo dục mầm non	Khoa Giáo dục Mầm non	5-2008	Khu vực
14.	Tổng kết KH&CN giai đoạn 2003-2008, xây dựng kế hoạch KH&CN giai đoạn 2008-2020	Phòng Khoa học Công nghệ	11-2008	Khu vực
15.	Vai trò của các tổ chức kiểm định độc lập trong kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Việt Nam	Viện Nghiên cứu Giáo dục	12-2008	Quốc gia
16.	Đào tạo liên thông trong các trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học Việt Nam – Thực trạng và giải pháp	Viện Nghiên cứu giáo dục	12-2008	Quốc gia
17.	Giải tích phức hữu hạn hay vô hạn cùng chiều và các ứng dụng	Khoa Toán	8-2009	Quốc tế
18.	Hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức	Viện Nghiên cứu Giáo dục	10-2009	Quốc gia
19.	Hội thảo Việt – Pháp lần II “Didactic và Phương pháp giảng dạy Toán”	Khoa Toán	4-2010	Quốc tế
20.	Địa lí học trong thời kì hội nhập	Khoa Địa	5-2010	Khu vực
21.	Cách mạng tháng Tám ở Nam Bộ	Khoa Sử	9-2010	Khu vực

### 3. Kết luận và kiến nghị

#### 3.1. Kết luận

Tóm lại, công tác NCKH của Trường ĐHSPTPHCM trong 5 năm qua có nhiều khởi sắc. Các mảng cơ bản trong lĩnh vực NCKH đều được phát triển một cách đồng bộ như: thực hiện đề tài NCKH, xuất bản Tạp chí Khoa học, chuyển giao các công trình NCKH theo định hướng ứng dụng, tổ chức các hội thảo khoa học các cấp...

- Các giải pháp đã thực hiện như: xây dựng và phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư kinh phí cho hoạt động NCKH, xây dựng và triển khai kế hoạch khoa học công nghệ... đem lại hiệu quả nhất định. Những minh chứng là các sản phẩm KH&CN tăng theo chu kỳ, các hạn chế trong công tác NCKH được giảm thiểu đáng kể...

- Cần tiếp tục thực hiện những giải pháp mới như những định hướng NCKH của Trường.

#### 3.2. Kiến nghị

##### 3.2.1. Về phía Trường

- Xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động của Viện Nghiên cứu Giáo dục với các đơn vị trong trường. Tăng cường đội ngũ cán bộ khung của các trung tâm. Nâng cao đội ngũ nghiên cứu của viện.

- Kết hợp nghiên cứu với đào tạo, giới thiệu nghiên cứu sinh, học viên cao học tham gia nghiên cứu tại viện, trung tâm, ...

- Xây dựng Viện Nghiên cứu Giáo dục độc lập trong hạch toán kinh phí hoạt động NCKH, góp phần tăng thu nhập cho cán bộ nghiên cứu và cho nhà trường.

- Có kế hoạch đào tạo đội ngũ kế thừa để thay thế những cán bộ đến tuổi về hưu.

- Có chế độ đãi ngộ phù hợp nhằm khuyến khích cán bộ tự nâng cao trình độ của mình. Tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ khoa học học tập, trao đổi giao lưu khoa học ở trong và ngoài nước.

- Tiếp nhận những cán bộ có trình độ cao từ các nơi về Trường.

- Giữ lại trường những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi và có kế hoạch đào tạo.

- Trong vòng 5 năm tới, trường cần tập trung nỗ lực cho công tác xây dựng nguồn nhân lực, xem đó là nhiệm vụ chiến lược để có đội ngũ cán bộ, công chức đủ về số lượng và mạnh về chất lượng có thể đảm đương chức năng, nhiệm vụ của một trường đại học sư phạm trọng điểm. Nhà trường cần tập trung chú trọng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ giảng dạy và cho cả cán bộ, công chức hành chính, cụ thể ở các mặt sau:

- + Về số lượng: Đảm bảo đủ số lượng cán bộ giảng dạy đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô đào tạo sau đại học của trường và mở các ngành đào tạo mới, phấn đấu đến năm 2015, đạt tỉ lệ 20 sinh viên/giảng viên (Tỉ lệ này gồm cả học sinh, sinh viên chính quy và không chính quy).

- + Về chất lượng: Cùng với việc phát triển về số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy của một trường đại học sư phạm trọng điểm phải có tầm cỡ quốc gia và ngang tầm với các trường của các nước trong khu vực.



**3.2.2. Về phía Bộ Giáo dục và Đào tạo**

- Cần đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm để nâng cao năng lực NCKH cho hệ thống các trường sư phạm thuộc khối giáo dục.

- Cần bổ sung nguồn tài chính đủ mạnh để có được những NCKH mang tầm cỡ khu vực và thế giới.

- Nên chăng đề tài cấp Bộ vẫn giữ hai mức độ: thứ nhất là mức trọng điểm giống như Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành những

năm trước; thứ hai là đề tài cấp Bộ thường để các trường có kinh phí xây dựng các hướng nghiên cứu, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có học hàm, học vị bổ sung nguồn cán bộ hàng năm cho các trường.

- Ủng hộ các đơn vị có thêm các chương trình, nghiên cứu ứng dụng vào sản xuất, đời sống và các chương trình đặc thù cho sư phạm mang tính liên kết nghiên cứu cao.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Cán sự Đảng - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Nghị quyết số 08/BCSD ngày 04-4-2007: Về việc phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm từ năm 2007 đến năm 2015*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Thông tư số 12/2010/TT-BGDĐT ngày 29-3-2010: Quy định về quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ*, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2006-2010 và định hướng phát triển 5 năm 2011-2015*, khối Khoa học Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30-5-2011: Quy định về hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học*, Hà Nội.
5. Hoàng Thị Nhị Hà (2008), *Quản lý nghiên cứu khoa học ở các trường đại học sư phạm*, Luận án Tiến sĩ Quản lý Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
6. Trường Đại học Sư phạm TPHCM (2010), *Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 200-2005 và xây dựng kế hoạch KH&CN 5 năm 2006-2010*, TPHCM.
7. Trường Đại học Sư phạm TPHCM (2010), *Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2006-2010 và định hướng phát triển 5 năm 2011-2015*, TPHCM.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 01-9-2011; ngày chấp nhận đăng: 20-9-2011)